

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2021

“V/v Ly hôn giữa chị T1 và anh T2”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.

2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Võ Bá T2, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 và anh T2 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2021, bản khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:

Hôn nhân của chị và anh T2 do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre vào năm 2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 20 tháng 12 năm 2020 thì chị và anh T2 phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 01 năm 2021, chị và anh T2 đã không sống chung với nhau cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 không lo làm ăn và hay đánh đập, hành hung chị nên chị yêu cầu ly hôn anh T2.

Chị và anh T2 không có con chung, không có nợ chung. Chị không tranh chấp tài sản chung với anh T2.

Tại bản khai, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Võ Bá T2 trình bày:

Anh và chị T1 chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bến Tre vào năm 2005. Sau khi cưới nhau, vợ chồng có cất nhà trên đất của mẹ ruột anh để ở và xây chuồng heo để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Hai vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Anh cũng không đánh đập, hành hung chị. Hiện tại, anh cũng rất thương chị T1 nên anh không đồng ý ly hôn.

Anh và chị T1 không có con chung, không có nợ chung.

Về tài sản chung: anh và chị T1 có tài sản chung là 20 chỉ vàng gồm 03 sợi dây chuyền, 01 bộ vòng tuần lễ, 01 chiếc lắc tay, 02 chiếc nhẫn hiện tại do chị T1 giữ. Tuy nhiên, anh không yêu cầu chia tài sản chung, không tranh chấp về tài sản chung nhưng chị T1 không được quyền lấy tài sản chung nuôi người khác.

Tại phiên tòa:

Chị T1 trình bày: Nguyên nhân gây ra mâu thuẫn chủ yếu là do anh T2 thường xuyên uống rượu, bia và chơi cờ bạc nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sống cho đến nay. Hiện tại, chị đã chuyển hộ khẩu về với cha mẹ ruột của chị tại ấp X, xã Y, huyện G tỉnh Bến Tre.

Trước đây, khi còn chung sống với anh T2, chị và anh T2 có tài sản chung là một số vàng nữ trang nhưng chị không nhớ chính xác là bao nhiêu. Sau một thời gian chăn nuôi thua lỗ và bán vàng trả nợ cờ bạc của anh T2 (số tiền trả nợ cờ bạc cho anh T2 là 22.000.000 đồng) thì hiện tại chị còn giữ 05 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 và 01 bộ vòng tuần lễ khoảng hơn 03 chỉ vàng 18K. Khi anh T2 bệnh, phải nhập viện, chị chăm sóc anh ở bệnh viện được 02 ngày nhưng do anh nhiều lần vô cớ chửi chị nên chị không chăm sóc nữa và cũng không qua lại với anh cho đến nay.

Anh T2 trình bày: Số lượng tài sản chung của anh và chị T1 là 20 chỉ vàng như anh đã nêu trong quá trình hòa giải. Bộ vòng tuần lễ loại vàng 18K, còn lại là vàng 24K loại vàng 9999. Anh T2 cũng thừa nhận thời gian trước đây anh có tham gia cờ bạc và có thua nhưng chỉ thiếu nợ số tiền 10.000.000 đồng, anh đã bán vàng trả nợ xong nhưng số vàng còn lại vẫn là 20 chỉ như anh kể trên. Tuy nhiên, anh không có yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này và vẫn muốn đoàn tụ với vợ vì còn thương vợ. Anh cũng thừa nhận anh có nhậu thường xuyên vào các bữa cơm trong ngày. Việc này diễn ra từ trước cho đến nay. Thời gian anh bệnh và nằm bệnh viện là vào mừng 4 tết Nguyên đán vừa qua. Khi anh nhập viện điều trị, chị T1 có thăm anh một lần rồi bỏ đi luôn cho đến nay, chị

không quan tâm lo lắng hay chăm sóc gì cho anh, anh phải nhờ người cháu của anh lo cho anh mỗi khi đi bệnh viện điều trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Thanh T1 cung cấp địa chỉ của chị tại ấp N, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Tại phiên tòa, chị T1 trình bày chị đã chuyển hộ khẩu về xã Y và hiện tại cư trú tại địa chỉ ấp X, xã Y, huyện G, tỉnh Bến Tre nên bản án xác định lại theo địa chỉ hiện tại của chị T1.

Chị Nguyễn Thị Thanh T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết cho chị ly hôn anh Võ Bá T2. Anh T2 là bị đơn trong vụ án, cư trú tại ấp N, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Võ Bá T2 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp.

Tuy nhiên, chị T1 cho rằng anh T2 không lo làm ăn và hay đánh đập, hành hung chị, anh T2 uống rượu, bia thường xuyên và tham gia cờ bạc, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chị và anh T2 đã không sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay, mạnh ai nấy sống. Tại phiên tòa, chị T1 giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Anh T2 thừa nhận trước đây anh có tham gia cờ bạc, từ khi thiếu nợ do cờ bạc đến nay thì anh không tham gia cờ bạc nữa. Còn về việc uống rượu, bia thì từ trước cho đến nay anh vẫn uống thường xuyên vào mỗi bữa cơm, kể cả khi chị còn sống chung với anh. Anh bệnh từ đầu năm 2021 đến nay nhưng chị T1 không quan tâm chăm sóc, chị chỉ thăm anh một lần rồi bỏ mặc anh một mình khi nhập viện điều trị bệnh. Đến nay, anh chưa hết bệnh nhưng chị vẫn không lo gì cho anh. Mặc dù vậy, anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn chị T1.

Qua trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy trong quan hệ hôn nhân với anh T2, chị T1 không còn thương yêu anh T2, chị T1 và anh T2 không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị T1 và anh T2 đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được

nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1 để giải quyết cho chị T1 được ly hôn anh T2.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau, chị T1 và anh T2 không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Mặc dù chị T1 và anh T2 trình bày không thống nhất về tài sản chung nhưng chị T1 và anh T2 không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Chị T1 và anh T2 khai anh, chị không có nợ chung nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T1 phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T1. Chị Nguyễn Thị Thanh T1 được ly hôn anh Võ Bá T2.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Võ Bá T2 không có con chung.

- *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Võ Bá T2 không tranh chấp tài sản chung.

- *Về nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Võ Bá T2 khai không có nợ chung.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007434 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T1 đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã N;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Thu Trang